TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 THANH HÓA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 97/2026/QĐST-HNGĐ	*Thanh Hóa, ngày 09 tháng 06 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ KHU VỰC 6- THANH HÓA

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, Điều 397, Điều 212, Điều 213, Khoản 3 Điều 144, khoản 2 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 55, 57; 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào Điều 6, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 159 /2026/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2026, về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận về nuôi con khi ly hôn",* gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Những người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Chị Phạm Thị L sinh năm 1981.
Số thẻ CCCD: 038181029918.
Địa chỉ: TDP S, phường B, tỉnh Thanh Hóa.
2/ Anh Lê Xuân T sinh năm 1981
Số thẻ CCCD: 036081016063
Địa chỉ: TDP S, phường B, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Theo anh Lê Xuân T và chị Phạm Thị L trình bầy: Anh T và chị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký tại UBND phường Đ, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa (nay thuộc phường B, tỉnh Thanh Hóa) vào năm 2002. Quá trình chung sống được hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống , vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2024 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị L và anh T thống nhất thuận tình ly hôn và
đề nghị Toà án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Lê Xuân T và chị Phạm Thị L.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Kim T1 (nữ) sinh ngày 24/9/2004 và cháu Lê Xuân S (nam) sinh ngày 15/01/2015. Hai bên thống nhất giao cháu Lê Xuân S cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, anh T đóng góp nuôi con chung với chị L để nuôi cháu S mỗi tháng là: 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 6 năm 2026 cho đến khi cháu S đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Đối với cháu Lê Kim T1 đã thành niên nên chị L và anh T không đề nghị Toà án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về công nợ: Các đương sự không đề nghị giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Lê Xuân T và chị Phạm Thị L mỗi người phải nộp 150.000 đ lệ phí giải quyết việc dân sự. Hai bên thống nhất anh Đ chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự.

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của những người yêu cầu được ghi trong biên bản ghi nhận hòa giải đoàn tụ không thành ngày 01 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị L và anh Lê Xuân T

- Về con chung: Các bên thống nhất giao cháu Lê Xuân S (nam) sinh ngày 15/01/2015 cho chị Phạm Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Anh Lê Xuân T đóng góp nuôi con chung với chị L để nuôi cháu Lê Xuân S mỗi tháng là : 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), khoản đóng góp được tính từ tháng 6 năm 2026 cho đến khi cháu S đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Lê Xuân T được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản. Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con chung và việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Các đương sự không đề nghị Toà án giải quyết.

- Về công nợ: Hai bên không đề nghị Toà án giải quyết.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị Phạm Thị L và anh Lê Xuân T mỗi người phải nộp 150.000 đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự. Chuyển số tiền chị L đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6-Thanh Hoá, theo biên lai thu số: 0003698 ngày 14/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá sang phần lệ phí phải nộp của anh T và chị L . Như vậy, các đương sự đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 6-Thanh Hoá;
- Đương sự;
- UBND P Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hoá
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Tạ Thị Hương